TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2024/HN-ST
Ngày: 25-07-2024
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghị;

2. Bà Lê Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Hện Chợ Lách.

Ngày 25 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp G, xã B, Hện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1978; địa chỉ: ấp Phú Thới, xã Tân Thiềng, Hện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, N đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải (nay là xã Bắc Phong), Hện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 14/03/2005. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, N nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay tranh cải. Hiện bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/12/2004 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/06/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/12/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: N đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Văn N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời bà T có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào các Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải (nay là xã Bắc Phong), Hện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 14/03/2005 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T, N nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay tranh cải. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông N thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hiện tại cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống

của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho bà T, ông N đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu được ly hôn với ông N; còn ông N cũng có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà T, ông N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/12/2004 đã trưởng thành nên bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông N khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn N. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Ghi nhận bà T, ông N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/12/2004 đã trưởng thành nên không xét đến.

3/. Về tài sản chung: Bà T, ông N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Bà T, ông N khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000952 ngày 19/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Hện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS Hện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu